

7- Tổng thể về nguồn nhân lực quốc gia trong lĩnh vực AT-VSLĐ

7.1- Số lượng và vai trò của cán bộ/ chuyên gia an toàn – vệ sinh lao động ở các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong lĩnh vực AT-VSLĐ

7.1.1- Các Bộ, ngành

* Tùy theo tính chất và yêu cầu công việc, mà các Bộ, ngành bố trí số cán bộ làm công tác ATVSLĐ .

Nhiệm vụ:

- Hướng dẫn các đơn vị thành viên thực hiện pháp luật, các chính sách, chế độ về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động; tiêu chuẩn, quy phạm Nhà nước về an toàn lao động;

- Theo dõi các chính sách, chế độ về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, như: trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động; bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bồi dưỡng bằng hiện vật; chế độ làm việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động;

- Kiểm tra việc thực hiện quy định của nhà nước về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động;

- Triển khai thực hiện Tuần lễ quốc gia về ATVSLĐ và phòng, chống cháy nổ hàng năm trong phạm vi Bộ, ngành;

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền và huấn luyện ATVSLĐ.

Ví dụ: Bộ Quốc phòng ở cấp Trung ương có 7 cán bộ chuyên trách; ở khoa Y học lao động quân sự và Trung tâm y tế dự phòng phía Nam thuộc Bộ có 27 cán bộ, nhân viên trong đó có 1 tiến sỹ, 3 thạc sỹ, 2 bác sỹ chuyên khoa cấp 1, 6 kỹ sư, 4 kỹ thuật viên, 8 Y sinh, 1 dược sỹ, 2 dược sỹ trung cấp)

7.1.2- Các doanh nghiệp lớn của nhà nước

+ Hội đồng bảo hộ lao động có từ 5 – 7 thành viên, có nhiệm vụ tổ chức phối hợp và tư vấn về các hoạt động bảo hộ lao động ở doanh nghiệp, kiểm tra giám sát thực hiện;

+ Bộ phận Bảo hộ lao động (có thể là Phòng, ban hay cán bộ làm công tác ATVSLĐ): Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách bảo hộ lao động, qui trình, qui phạm ATVSLĐ, kiểm tra công tác bảo hộ lao động, các hoạt động hưởng ứng tuần lễ quốc gia về ATVSLĐ-PCCN.

+ Bộ phận Y tế: Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe ban đầu

+ Mạng lưới an toàn vệ sinh viên: Giám sát thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động ở tổ, đội sản xuất của mình. (Chi tiết về mạng lưới ATVSV được xem mục 7.14).

7.1.3 - Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

Tổng số cán bộ làm công tác ATVSLĐ:

- Cục An toàn lao động: 37
- Thanh tra Bộ LĐTBXH và Thanh tra lao động tại các Sở LĐTBXH có 304 người (xem mục 4.2)
- Số chuyên gia làm việc trong các đơn vị sự nghiệp như trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn, trung tâm nghiên cứu môi trường và điều kiện lao động... chưa được thống kê.

Vai trò của cán bộ, chuyên gia ngành lao động – Thương binh và Xã hội xem mục 3.1 và 4.

7.1.5- Hệ thống công đoàn

(Cấp Trung ương

Tổng số cán bộ làm công tác BHLĐ ở cấp trung ương là 228 người, trong đó số cán bộ có trình độ đại học, trên đại học chiếm hơn 80%, cụ thể:

- Ban Bảo hộ lao động có 9 người, 100% có trình độ Đại học. Ban Bảo hộ lao động là lực lượng tham mưu, giúp việc Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam về quản lý, chỉ đạo công tác BHLĐ:

- Viện nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động có 203 cán bộ công nhân viên, trong đó có 6 Phó Giáo sư (5 người đã nghỉ hưu hiện đang làm cố vấn khoa học cho Viện), 24 tiến sỹ, 26 thạc sỹ, 16 người đang học cao học, 130 kỹ sư, bác sỹ, cử nhân,...

- Khoa Bảo hộ Lao động của Trường Đại học Công đoàn có 8 giảng viên, trong đó có 2 tiến sỹ, 4 thạc sỹ.

- Tạp chí Bảo hộ lao động có 8 người, đều có trình độ đại học kỹ thuật hoặc báo chí.

- Địa phương, ngành:

Hiện nay tại 64 Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và 20 CĐ ngành trung ương, số cán bộ trực tiếp làm công tác BHLĐ là 97 người, bình quân mỗi liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và công đoàn ngành trung ương có 1 cán bộ BHLĐ, trong đó có 42 người làm chuyên trách, chiếm 44,68%.

Số người có trình độ đại học chiếm 79%, trong đó 35% là kỹ sư tốt nghiệp các trường đại học kỹ thuật, 26,5% là kỹ sư BHLĐ, còn lại là tốt nghiệp các trường đại học khác. 65% đã được tập huấn nghiệp vụ BHLĐ.

Thâm niên công tác BHLĐ của cán bộ công đoàn ở địa phương, ngành, tổng công ty dưới 5 năm là 63%; từ 5 - 10 năm là 23%; trên 10 năm là 14%.

Hiện nay tại 6 liên đoàn lao động địa phương là Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hà Nội, Hải Phòng, Đồng Nai, Bình Dương và Công Đoàn Công nghiệp Việt Nam đã có Ban Bảo hộ lao động.

7.2- Yêu cầu về trình độ đối với các chuyên gia, cán bộ ATVSLĐ

- Các cơ quan quản lý nhà nước hoặc hương lương từ ngân sách nhà nước: Theo qui định của Bộ Nội Vụ hoặc Bộ, ngành chủ quản.

- Đối với các doanh nghiệp thực hiện theo Thông tư liên tịch số 14/1998/TTLT-BLĐTBXH- BYT-TLĐLĐVN

+ Bộ phận bảo hộ lao động ở doanh nghiệp: Cán bộ làm công tác bảo hộ lao động được chọn từ những cán bộ có hiểu biết về kỹ thuật và thực tiễn sản xuất, được đào tạo chuyên môn và bố trí ổn định để đi sâu vào nghiệp vụ công tác bảo hộ lao động.

+ Bộ phận y tế của doanh nghiệp

Các doanh nghiệp có yếu tố độc hại: Dưới 300 lao động ít nhất phải có một y tá; Từ 300 đến 500 lao động ít nhất phải có một y sĩ và một y tá; Từ 501 đến 1000 lao động ít nhất phải có một bác sĩ và một y sĩ; Trên 1000 lao động phải có trạm y tế (hoặc ban, phòng) riêng. Trong trường hợp thiếu cán bộ y tế theo yêu cầu thì có thể hợp đồng với cơ quan y tế địa phương để đáp ứng việc chăm sóc sức khỏe tại chỗ.

Các doanh nghiệp có nhiều yếu tố độc hại: Dưới 150 lao động phải có 1 y tá; Từ 150 đến 300 lao động phải có ít nhất một y sĩ (hoặc trình độ tương đương); Từ 301 đến 500 lao động phải có một bác sĩ và một y tá; Từ 501 đến 1000 lao động phải có một bác sĩ và mỗi ca làm việc phải có một y tá; Trên 1000 lao động phải thành lập trạm y tế (hoặc ban, phòng) riêng.

+ An toàn, vệ sinh viờn: những người lao động trực tiếp cú am hiểu về nghiệp vụ, cú nhiệt tởnh và gương mẫu về bảo hộ lao động được tổ bầu ra. Để đảm bảo tởnh khỏch quan trong hoạt động, an toàn vệ sinh viờn không được là tở trưởng.

7.3- Yêu cầu pháp lý đối với chuyên gia/ cán bộ an toàn lao động

Do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động bổ nhiệm qui định.

Bộ quốc phòng ban hành Quyết định số 96/2003/QĐ-BQP ngày 12/8/2003 quy định trưởng đoàn kiểm tra đánh giá môi trường lao động phải là bác sỹ chuyên ngành vệ sinh lao động – bệnh nghề nghiệp.

7.4- Số lượng và vai trò của cán bộ làm công tác y học lao động trong công tác ATVSLĐ

7.4.1- Trung tâm y tế dự phòng tỉnh/thành phố trung ương, Bộ, ngành

Các trung tâm y tế dự phòng thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường, quản lý y tế lao động và học đường theo Quyết định số 2468/1999/BYT-QĐ ngày 16/8/1999 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Tại các Trung tâm, cán bộ phụ trách y tế lao động làm việc tại Khoa Y tế lao động. Tại một số Trung tâm Y tế Dự phòng chưa thành lập Khoa Y tế lao động, cán bộ y tế lao động làm việc tại khoa vệ sinh chung.

Bảng 17: Tình hình nhân lực cán bộ y tế lao động tại Trung tâm Y tế dự phòng 64 tỉnh, thành phố và 13 Trung tâm Y tế lao động Bộ, ngành

Năm	Số Khoa Y tế lao động	Phòng khám BNN	Số cán bộ Y tế lao động			
			Tổng số	Bác sỹ	Dược sỹ, ĐH khác	Kỹ thuật viên, Y tá
2000	44	28				
2001	46	31	543	285	61	197
2002	46	33	493	257	67	169
2003	50	37	525	270	83	172
2004	50	37	525	270	83	172

Năm 2000: Mạng lưới y tế cơ sở đã được bổ sung 350 cán bộ y tế (tổng số 6359 cán bộ). Mạng lưới y tế tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn rất mỏng, chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của công nhân. Tại khu vực các doanh nghiệp lớn vẫn còn 897 cơ sở chưa có cán bộ y tế.

Năm 2001: Đã có 46 trung tâm YTDP tỉnh, trung tâm y tế ngành thành lập khoa y tế lao động, chiếm 62,1%. Tổng số cán bộ chuyên trách tại các khoa y tế lao động là 543 cán bộ, trong đó số bác sỹ là 285 (52,9%), số dược sỹ và đại học khác là 61 (11,1%).

Đã có 31 phòng khám bệnh nghề nghiệp được thành lập tại 28 tỉnh và 2 ngành . Đã có 38 tỉnh và 8 ngành thành lập khoa y tế lao động.

Năm 2002: Đã có 46 trung tâm YTDP tỉnh, trung tâm y tế ngành thành lập khoa y tế lao động chiếm 62,1%. Tổng số cán bộ chuyên trách tại các khoa y tế lao động là 493 cán bộ, trong đó số bác sỹ là 257 (52,1%), số dược sỹ và đại học khác là 67 (13,6%).

- Đã có 33 phòng khám bệnh nghề nghiệp (31 tỉnh và 2 ngành) được thành lập tại các địa phương và ngành (bổ sung phòng khám bệnh nghề nghiệp của Hà Tây và Cao Bằng). Đã có 38 tỉnh và 8 ngành thành lập khoa y tế lao động.

- Năm 2003: 50 trung tâm YTDP tỉnh, trung tâm y tế ngành thành lập khoa YTLD chiếm 67,6% (Đắc Lắc và Sơn La mới thành lập khoa YTLD) Tại Bình Dương, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã đồng ý thành lập Trung tâm Sức khỏe Lao động Môi trường để phục vụ công tác y tế lao động trên địa bàn tỉnh. Tổng số cán bộ chuyên trách tại các khoa y tế lao động là 525 cán bộ, trong đó số bác sỹ là 270 (51,4%), số dược sỹ và đại học khác là 83 (15,8%).

- Đã có 37 phòng khám bệnh nghề nghiệp (31 tỉnh và 6 ngành) được thành lập tại các địa phương và ngành.

- Năm 2004: Đã có 50 Trung tâm YTDP tỉnh, trung tâm y tế ngành thành lập khoa y tế lao động chiếm 64,1%. Đã có 37 phòng khám bệnh nghề nghiệp tại 31 tỉnh và 6 ngành. Nhìn chung cho đến nay các tỉnh và các ngành đã bước đầu trang bị máy móc và trang thiết bị đo đạc kiểm tra môi trường và khám bệnh nghề nghiệp.

Tồn tại :

- Theo báo cáo của 51/64 Trung tâm y tế dự phòng: tỷ lệ cán bộ có trình độ tiến sĩ và chuyên khoa cấp II mới chỉ đạt 0,87% và tập trung ở số ít tỉnh. Tỷ lệ cán bộ trên đại học đạt 12,2% trong tổng số cán bộ và đạt 24,9% trong tổng số cán bộ đại học. Số cán bộ đại học có trình độ chuyên khoa thuộc lĩnh vực y tế dự phòng đạt 15,8%. Tỷ lệ kỹ thuật viên chiếm 11,4% trong tổng số cán bộ và chỉ đạt 30,5% trong tổng số cán bộ chuyên môn là trung cấp.

- Theo báo cáo của 54/64 Trung tâm Y tế dự phòng:

+ Hiện tại các trung tâm y tế dự phòng chỉ có khoảng 60% trang thiết bị cần thiết cho các xét nghiệm bệnh truyền nhiễm, 20% cho vệ sinh an toàn thực phẩm và 30% cho sức khỏe bệnh nghề nghiệp.

+ Có ít nhất 1/3 các trang thiết bị labo hiện có cần phải được thay thế vì đã quá cũ (sản xuất trước năm 1990). Phần lớn các trang thiết bị sử dụng cho xét nghiệm HIV/AIDS mới được cung cấp một vài năm gần đây và hoạt động tốt. Tuy nhiên do tần suất sử dụng ở một số tỉnh rất cao nên các trang thiết bị này cũng cần được nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung thêm một số thiết bị khác.

7.4.2- Trung tâm sức khoẻ lao động và môi trường tỉnh/thành phố

Để đáp ứng nhu cầu quản lý sức khoẻ công nhân và bệnh nghề nghiệp tại một số tỉnh/thành phố trọng điểm công nghiệp, hiện nay có 5 trung tâm sức khoẻ lao động và môi trường các tỉnh/ thành phố (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Cần Thơ và Vĩnh Phúc) được thành lập. Các trung tâm này có nhiệm vụ quản lý mạng lưới y tế cơ sở, lập kế hoạch và thực hiện quản lý môi trường lao động, bệnh nghề nghiệp, chỉ đạo tuyến khám sức khoẻ định kỳ, khám phát hiện, điều trị bệnh nghề nghiệp và phục hồi chức năng cho các cơ sở sản xuất tại tỉnh/thành phố. Ngoài ra các trung tâm còn tiến hành các đề tài, nghiên cứu khoa học phòng chống bệnh nghề nghiệp.

- Do các trung tâm đều mới được thành lập (trừ trung tâm tại TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Y tế Khu công nghiệp Đồng Nai từ trước) đến nay chỉ mới tập trung các hoạt động chăm sóc sức khoẻ cho người lao động tại khu công nghiệp, chưa bao phủ được các doanh nghiệp khác trên địa bàn vì nhân lực còn rất mỏng và thiếu, mỗi trung tâm chỉ có từ 17-20 cán bộ.

- Các trung tâm đã có những trang thiết bị cơ bản để giám sát môi trường lao động, tuy nhiên còn rất thiếu những trang thiết bị phục vụ công tác khám, phát hiện bệnh liên quan đến nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp như máy chụp XQ, các máy xét nghiệm về sinh hoá, việc xét nghiệm độc chất học nghề nghiệp cho đến nay chưa trung tâm nào làm được.

7.4.3- Trung tâm Y tế các Bộ, ngành

Được hình thành theo nhu cầu và phát triển của từng ngành để chăm sóc sức khoẻ người lao động trong ngành. Hiện nay đã có 11 Trung tâm y tế tại các ngành Công nghiệp, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Xây dựng, Tổng công ty Bưu chính viễn thông, Đường sắt, Hàng không, Cao su, Dệt may và Tổng công ty Than Việt Nam. Các Trung tâm này có nhiệm vụ quản lý môi trường lao động, sức khoẻ của công nhân thuộc bộ, ngành, tổng công ty; tham gia phòng chống dịch bệnh; tiến hành các đề tài nghiên cứu phòng chống bệnh nghề nghiệp và công việc đặc thù của Bộ, ngành và triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia. Ngoài ra các trung tâm còn tổ chức dịch vụ khám chữa bệnh đối với người lao động trong các đơn vị trực thuộc và nhân dân khu vực.

- Tỷ lệ cán bộ có trình độ tiến sĩ và chuyên khoa cấp II mới chỉ đạt 1,22%. Tỷ lệ cán bộ trên đại học đạt 19,4% trong tổng số cán bộ và đạt 46,9% trong tổng số cán bộ đại học. Tỷ lệ kỹ thuật viên chiếm 3,3% trong tổng số cán bộ và chỉ đạt 18,3% trong tổng số cán bộ chuyên môn là trung cấp.

- Hiện tại 98,9% số trang thiết bị của các trung tâm còn sử dụng được. 28,6% trung tâm có từ 41-50 chủng loại trang thiết bị thiết yếu, 42,8% có từ 31-40 chủng loại, 14,3% có từ 11-20 chủng loại và 14,3% có từ 5-10 chủng loại.

7.4.4 - Cơ sở sản xuất và doanh nghiệp

Bảng 18: Đội ngũ cán bộ y tế tại các doanh nghiệp (theo số liệu năm 2000 do Bộ Y tế cung cấp)

Loại doanh nghiệp	Số cơ sở			Số cán bộ Y tế	Số bác sĩ, dược sĩ
	Có cán bộ y tế	Có trạm y tế	Chưa có cán bộ y tế		
Doanh nghiệp có trên 200 lao động	2.325	1.330	1.139	7.685	1523
Doanh nghiệp có từ 51-200 lao động	747	151	3236	1.356	289
Doanh nghiệp có 50 lao động trở xuống	77	15	27074	111	14
Tổng cộng	3.149	1.496	31.449	9.152	1.826

7.5- Yêu cầu về trình độ đối với cán bộ y học lao động

Theo tiêu chuẩn do Bộ Nội vụ và Bộ Y tế ban hành về tiêu chuẩn công chức, viên chức.

7.6- Yêu cầu pháp lý để có bác sĩ y học lao động

Theo qui định của Bộ Y tế

7.7- Số y tá chuyên về sức khỏe lao động theo tỉnh và vai trò của họ trong công tác an toàn – vệ sinh lao động

Không có số liệu thống kê

7.8- Yêu cầu về trình độ đối với y tá sức khỏe lao động

Theo tiêu chuẩn do Bộ Nội vụ, Bộ Y tế ban hành.

7.9- Yêu cầu pháp lý để có y tá chuyên về sức khỏe lao động

Không có yêu cầu cụ thể nào về y tá chuyên về sức khỏe lao động.

7.10- Số lượng và vai trò của chuyên gia vệ sinh lao động, kỹ sư và kỹ thuật viên ATVSLĐ ở cấp tỉnh

Không có số liệu thống kê.

7.11- Yêu cầu về trình độ đối với các chuyên gia, cán bộ vệ sinh lao động

Chưa có tiêu chí rõ ràng. Đối với công chức nhà nước theo tiêu chuẩn do Bộ Nội vụ và Bộ chuyên ngành ban hành. Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh thì do doanh nghiệp tự quyết định.

7.12- Yêu cầu pháp lý để có các chuyên gia

- Đối với các cơ quan do Nhà nước quản lý, theo qui định của Bộ nội vụ và của ngành.

- Đối với khối doanh nghiệp theo Thông tư liên tịch số 14/1998/TTLT-BLĐTBXH – BYT-TLĐLĐVN ngày 31/10/1998 và do người sử dụng lao động quyết định

7.13- Số lượng và vai trò của chuyên gia bảo vệ môi trường trong lĩnh vực ATVSLĐ

Không có số liệu thống kê.

7.14- Mạng lưới an toàn - vệ sinh viên

Theo thống kê chưa đầy đủ của 38/64 liên đoàn lao động tỉnh và 11/20 công đoàn ngành trung ương, số an toàn vệ sinh viên đến năm 2004 là 153.036 người. Mạng lưới an toàn vệ sinh viên tham gia hoạt động về bảo hộ lao động của người lao động, được thành lập theo thoả thuận giữa người sử dụng lao động và Ban chấp hành công đoàn, nội dung hoạt động phù hợp với luật pháp, bảo đảm quyền của người lao động và lợi ích của người sử dụng lao động.

Tổ chức

Tất cả các doanh nghiệp đều phải tổ chức mạng lưới an toàn vệ sinh viên, bao gồm những người lao động trực tiếp, am hiểu nghiệp vụ, nhiệt tình và gương mẫu về bảo hộ lao động được tổ bầu ra. Mỗi tổ sản xuất phải bố trí ít nhất một an toàn vệ sinh viên; đối với các công việc làm phân tán theo nhóm thì nhất thiết mỗi nhóm phải có một an toàn-vệ sinh viên. Để đảm bảo tính khách quan trong hoạt động, an toàn vệ sinh viên không được là tổ trưởng sản xuất.

Người sử dụng lao động phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở ra quyết định công nhận an toàn vệ sinh viên, thông báo công khai để mọi người lao động biết. Tổ chức công đoàn quản lý hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên. An toàn vệ sinh viên có chế độ sinh hoạt, được bồi dưỡng nghiệp vụ và được động viên về vật chất và tinh thần để hoạt động có hiệu quả.

** An toàn vệ sinh viên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:*

- Đôn đốc và kiểm tra giám sát mọi người trong tổ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn và vệ sinh trong sản xuất, bảo quản các thiết bị an toàn và sử dụng trang thiết bị bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng sản xuất chấp hành các chế độ về bảo hộ lao động; hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với công nhân mới tuyển dụng hoặc mới chuyển đến làm việc ở tổ;

- Tham gia góp ý với tổ trưởng sản xuất trong việc đề xuất kế hoạch bảo hộ lao động, các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện làm việc;

- Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và khắc phục kịp thời những hiện tượng thiếu an toàn vệ sinh của máy, thiết bị và nơi làm việc.

7.15- Cán bộ, chuyên gia ATVSLĐ thuộc Hội khoa học kỹ thuật ATVSLĐ Việt Nam

- Hội Khoa học kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động Việt Nam có 11 Chi hội trực thuộc, 1 Hội tỉnh với tổng số là 1500 Hội viên. Trong số này có tới 80% là cán bộ, chuyên gia về ATVSLĐ (1200 người).